TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST Ngày: 16 – 3 – 2026 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Nhị Hường

Bà Phạm Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Tô Duy Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện khu vực 10 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 435/2025/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Tây Ninh

Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có yêu cầu vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà Nguyễn Thị V và ông Bùi Mạnh T1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tạiỦy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai), theo giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 08/3/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, sau khi phát sinh mâu thuẫn thì bà V và ông T1 đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2023 đến

nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà V yêu cầu ly hôn với ông Bùi Mạnh T1.

Trong thời gian chung sống bà V và ông T1 có 02 con chung là Bùi Quang K, sinh ngày 24/4/2006 và Bùi Trọng K1, sinh ngày 19/5/2011 Sau khi ly hôn, bà V có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung Bùi Trọng K1, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Bùi Quang K đã trưởng thành, bà V không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà V tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Tại biên bản tự khai ông Bùi Mạnh T1 trình bày:

Ông T1 và bà Nguyễn Thị V là vợ chồng, kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai), theo giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 08/3/2005. Quá trình chung sống ông T1 và bà V có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau đến nay đã 3 năm. Nay bà V yêu cầu ly hôn ông T1 đồng ý ly hôn.

Ông T1 và bà V có 02 con chung là Bùi Quang K, sinh năm 2006 và Bùi Trọng K1, sinh năm 2011, khi ly hôn ông T1 đồng giao con chung Bùi Trọng K1 cho bà Nguyễn Thị V nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Hồ sơ vụ án thể hiện bà V và ông T1 đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không còn chung sống cùng nhau và thống nhất yêu cầu ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà V ly hôn với ông T1. Về con chung đề nghị giao con chung Bùi Trọng K1 cho bà Nguyễn Thị V nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn với ông Bùi Mạnh T1, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

Bà V và ông T1 đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Bùi Mạnh T1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2005 theo giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 08/3/2005 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà V xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau nên yêu cầu ly hôn. Ông T1 cũng thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn.

Xét nguyện vọng của hai đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông T1 và bà V đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V, cho bà Nguyễn Thị V ly hôn với ông Bùi Mạnh T1.

[3] Về con chung: Khi ly hôn bà V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Trọng K1, sinh ngày 19/5/2011. Ông T1 đồng ý giao con cho bà V nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn, xét nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao, giao con chung Bùi Trọng K1, sinh ngày 19/5/2011 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp sau khi ly hôn, điều kiện sống của bà Nguyễn Thị V và ông Bùi Mạnh T1 có sự thay đổi và một trong các bên đương sự đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện vụ án khác để giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với chung là Bùi Quang K đã trưởng thành các đương sự không ai có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V chịu án phí theo quy định.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Bùi Mạnh T1.

2. Giao con chung Bùi Trọng K1, sinh ngày 19/5/2011 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi

Ông Bùi Mạnh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011804 ngày 18/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Ngọc Mai Phương